

Số: 4025 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 27 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá nước sạch sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 145/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 40/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 1250/TB-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính thông báo khung giá nước sạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 862/TTr-SNNMT ngày 01 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá nước sạch sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Mức giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn quy định tại Quyết định này áp dụng đối với các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai được giao cho Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý tài sản. Việc quản lý, khai thác, vận hành công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp thực hiện hoặc giao, giao khoán cho hợp tác xã, cộng đồng dân cư, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện.

Đối với các công trình do cơ quan, đơn vị khác được giao quản lý tài sản và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mức giá nước riêng bằng quyết định còn hiệu lực, thì thực hiện theo quyết định đó.

2. Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt bình quân: 3.800 đồng/m³.

3. Mức giá cụ thể đối với từng nhóm khách hàng sử dụng nước như sau:

STT	Nhóm khách hàng sử dụng cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sử dụng/tháng		Hệ số tính giá tối đa so với giá bình quân (H _i)	Hệ số tính giá cụ thể	Giá bán theo hệ số (đồng/m ³)
		Mức (m ³ /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu			
Nhóm 1	Hộ dân cư	- Từ mức 1m ³ -10m ³ đầu	SH1	0,8	0,8	3.000
		- Từ mức trên 10m ³ -20m ³	SH2	1,0	1,0	3.800
		- Từ mức trên 20m ³ -30m ³	SH3	1,5	1,2	4.600
		- Trên 30m ³	SH4	2,5	1,5	5.700
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả trường học, bệnh viện), phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	HCSN	1,2	1,2	4.600

STT	Nhóm khách hàng sử dụng cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sử dụng/tháng		Hệ số tính giá tối đa so với giá bình quân (H_i)	Hệ số tính giá cụ thể	Giá bán theo hệ số (đồng/m ³)
		Mức (m ³ /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu			
Nhóm 3	Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	1,5	1,5	5.700
Nhóm 4	Sản xuất kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	KD	3	2	7.600
Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt bình quân						3.800

Mức giá quy định trên không bao gồm thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng (VAT), phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định và không tính giá trị khấu hao tài sản cố định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giá nước theo Quyết định này, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức công khai, tuyên truyền, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện giá nước trên địa bàn theo thẩm quyền. Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, cộng đồng dân cư, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và cá nhân được giao hoặc nhận giao khoán quản lý, khai thác, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn có trách nhiệm công khai giá nước; tổ chức thu tiền nước đúng mức giá được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; quản lý, sử dụng, hạch toán, quyết toán và thực hiện chế độ báo cáo đối với số tiền thu được theo quy định của pháp luật.

3. Số tiền thu được từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và phương án quản lý, khai thác công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; ưu tiên bố trí cho các chi phí cần thiết để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình, chi trả nhân công vận hành và các chi phí hợp pháp khác, bảo đảm công trình được duy trì hoạt động ổn định, cung cấp nước sinh hoạt liên tục, an toàn và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Khanh);
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NLN (Tuấn Anh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giàng Quốc Hưng